

PHỤ LỤC 02:

DANH MỤC CÁC LOẠI PHÂN BÓN THAY THẾ CÁC LOẠI PHÂN BÓN ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 86 /2011/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT)

A. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BNN ngày 27/3/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

II. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
23	1	UV- 09	Đồng Tiền Vàng 09	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-3; CaO: 4; S: 2; Độ ẩm: 20	CT TNHH Quốc Tế Úc Việt	CT TNHH SXTM Thuận Nông Phát
				ppm	Cu: 50; Zn: 100; Fe: 50; B: 50		
					pH: 5-7		

V. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
21	2	Shakti (NPK 20-20 -20)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 20-20-20; Độ ẩm: 0,5	CT TNHH Một thành viên Bioseed Việt Nam (NK từ Ấn Độ)	CT TNHH MTV Bioseed Việt Nam (NK từ Ấn Độ, Israel, UAE, Jordan, Thái Lan, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Trung Quốc)
22	3	Sathi (NPK 0-52-34)		%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 52-34; Độ ẩm: 0,2		
23	4	Prabal (NPK 13-0-45)		%	N-K ₂ O: 13-45; Độ ẩm: 0,02		
68	5	NVD 8	Amino Gold (Organic)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7,8-2-7,5; Mg: 0,07; Methionine:0,2; Alanin: 0,2; Cysteine: 0,2; Glutamin: 0,2; Glycine: 0,2	CT TNHH Nông Việt	CT TNHH TM
				ppm	Fe: 60; Zn: 200; B: 300; Mo: 10; Si: 80; GA ₃ : 180		
					pH: 6,5-7,1		

69	6	NVD 9	GSA7 (Take Root)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-2-4; Mg: 0,01; Zn: 0,7; B: 0,75; GA ₃ : 0,02; α-NAA: 0,2	Nông Việt Đức	Gold Star
				ppm	Cu: 50		
					pH: 6,5-7,2		
77	7	5		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-3; Ca: 0,3; Mg: 0,2; S: 0,2	TT NC Phân bón và Dinh dưỡng Cây trồng - Viện Thổ nhưỡng - Nông hoá	
				g/l	Axit amin: 50 (Aspartic; Glutamic; Serine; Histidine; Glycine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Methionine; Phenylalanine; Isoleucine; Leucine; Lysine; Proline)		
				ppm	B: 2000; Zn: 2000		
					pH: 6; Tỷ trọng: 1,16-1,18		
78	8	A4		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-1-4; Ca: 0,5; Mg: 0,4; S: 0,2		
				g/l	Axit amin: 50 (Aspartic; Glutamic; Serine; Histidine; Glycine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Methionine; Phenylalanine; Isoleucine; Leucine; Lysine; Proline)		
				ppm	B: 2000; Zn: 2000; Mn: 200; Mo: 100		
					pH: 5,5-6,5; Tỷ trọng: 1,18-1,2		
79	9	Amin		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; Ca: 0,1; Mg: 0,2; S: 0,05		
				g/l	Axit amin: 25 (Aspartic; Glutamic; Serine; Histidine; Glycine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Methionine; Phenylalanine; Isoleucine; Leucine; Lysine; Proline)		
				ppm	B: 200; Zn: 500; Mo: 50		
					pH: 5,5-6,5; Tỷ trọng: 1,12-1,15		

B. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2009/TT-BNN ngày 25/9/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

V. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
----	--------------	--------	--	--------------------------

Cũ	Mới	Cũ	Mới	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Cũ	Mới
4	10	HOA LƯ' - BP	HOA LƯ'	%	HC: 15; Axit Humic: 4,5; Độ ẩm: 30	CT TNHH MTV Hoa Lư'	CT TNHH Phân bón Hoa Lư'
				Cfu/g	Bacillus subtilis, Azotobacter .sp, Streptomyces.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		

C. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 01 - DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2010/TT-BNNPTNT ngày 29/6/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
84	11	GSX 02	Cá Chép Vàng 1	%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ : 3-6; Mg: 0,04; Cu: 0,05; Vitamin B1: 0,01; Vitamin C: 0,02; α-NAA: 0,4	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT TNHH Hải Quốc Cường
178	12	Agri - Gro Foliar Blend		%	B: 0,03; Co: 0,002; Zn: 0,05; Mn: 0,1; Mo: 0,002	CT TNHH MTB [NK từ Hoa Kỳ]	
				pH: 4-7; Tỷ trọng: 1,05 - 1,25			
236	13	Canxi Bo		%	CaO: 2; B: 6; Mn: 0,2; Zn: 0,05; Cu: 0,05	DN TN Quang Trường [NK từ Thái Lan]	CT TNHH Kim Phú Tài [NK từ Thái Lan]
				pH: 5-8; Tỷ trọng: 1,05-1,15			
237	14	Thái Lan-QT 7.5.44		%	Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44; NAA: 0,5; Độ ẩm: 3-8		
				ppm	Mn: 1500; Fe: 1500; Zn: 500; Cu: 500; B: 200		
					pH: 6,8-7,1		
304	15	CQ		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Ca: 0,3; Mg: 0,4; S: 0,1	TT NC Phân bón và Dinh dưỡng Cây trồng - Viện Thổ nhưỡng - Nông hoá	
				g/l	Axit amin: 25 (Aspartic; Glutamic; Serine; Histidine; Glycine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Methionine; Phenylalanine; Isoleucine; Leucine; Lysine; Proline)		
				ppm	B: 1000; Zn: 200; Mn: 200; Mo: 50		
					pH: 5,5-6,5; Tỷ trọng: 1,12-1,14		
				%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-7; Ca: 0,3; Mg: 0,3; S: 0,2		

305	16	RQ	g/l	Axit amin: 25 (Aspartic; Glutamic; Serine; Histidine; Glycine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Methionine; Phenylalanine; Isoleucine; Leucine; Lysine; Proline)	TT NC Phân bón và Dinh dưỡng Cây trồng - Viện Thổ nhưỡng - Nông hoá
			ppm	B: 50; Zn: 800; Mo: 50	
				pH: 5,5-6,5; Tỷ trọng: 1,12-1,14	

D. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02 - DMPB được phép SXKD&SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2010/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
29	17	Phú Nông	Lộc Phát	%	HC: 15; Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,5-2,5-1; Độ ẩm: 30	CT TNHH TMDV Phát Gia	CT TNHH CN Kym Nga
				Cfu/g	Azotobacter sp; Bacillus sp; Trichoderma sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		

IV. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
8	18	GSX - 04	MOQA 01	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-3-1; Ca: 0,05; Zn: 0,001; Fe: 0,001; Độ ẩm: 20	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT TNHH Thiện Nông
					pH: 5-7		

V. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
----	--------------	--	--------	--	--------------------------

Cũ	Mới	Cũ	Mới	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Cũ	Mới
22	19	LIOINDO 4-2-2	Chim Việt LIOINDO 4-2-2	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Độ ẩm: 20	CT TNHH MTV Hoa Lư	CT TNHH Phân Bón Hoa Lư
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		
68	20	Con Dơi-02	Hoàng Nông	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-3; Độ ẩm: 20	CT TNHH MTV Việt Nga	CT TNHH MTV Hoàng Bửu CưMga

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
48	21	GSX 11	LỢI NÔNG 6-6-6	%	Axit Humic: 1,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-6-6	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT TNHH HC-TB Quang Phát
				mg/l	Ca: 200; Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500; B: 200		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,15		
49	22	GSX 12	Cá Chép Vàng 3	%	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 9-5-5		CT TNHH Hải Quốc Cường
				mg/l	Mn: 300; Zn: 150; Fe: 200; Cu: 100		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,15		
50	23	GSX 30	THALOVIP	%	Axit Humic: 2,8; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-1-6		CT CP ĐTP TTMQT Thăng Long
				mg/l	Ca: 570; Mg: 700; Zn: 400; B: 200		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,15		
135	24	Phú Nông	Lộc Phát	%	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-4-4; NAA: 0,1	CT TNHH TMDV Phát Gia	CT TNHH Kym Nga
				ppm	Mg: 200; Zn: 100; Fe: 200; Cu: 50; Mn: 200; B: 1000; Mo: 5		
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng : 1,1-1,2		

E. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 3, DMPB được phép SXKD&SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
7	25	ĐNA-HỖN HỢP 3	PH I	%	HC: 15; P ₂ O ₅ : 2; Độ ẩm: 30	CT TNHH Hóa chất Đại Nam	CT TNHH Phân bón Thắng Hưng Phát
				ppm	Cu: 300; Fe:200; Mn: 300; Zn: 300		
				Cfu/g	Bacillus; Sinorhizobium sp: 1x 10 ⁶ mỗi loại		

VI. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
10	26	GSX - 14	SITTO-PHAT	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-2; Độ ẩm: 20	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT TNHH SITTO VIỆT NAM
				ppm	Ca: 200; Mg: 100; Fe: 200; Zn: 200; Mn: 200; Cu: 200; B: 100; Mo: 100		

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
47	27	Dòng Sông Mới – Bio (Newriver - Bio)	MOTO - 02 (NEWBIO)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,8-1,6-1; Độ ẩm: 10	CT TNHH Dòng Sông Mới (Newriver Co., Ltd- Vietnam)	CT TNHH Mộc Tuyền
				ppm	Ca: 50; MgO: 200; Fe: 300; Mn: 50; Zn: 50; Cu: 100; B: 500; Vitamin B1: 250		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,18		
48	28	Dòng Sông Mới (Califlower)	MOTO - 03 (ECOBIO)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,6-1,8-1,2; Độ ẩm: 10	CT TNHH Dòng Sông Mới (Newriver Co., Ltd- Vietnam)	CT TNHH Mộc Tuyền
				ppm	Ca: 150; MgO: 150; Fe: 100; Zn: 100; B: 500; Mo: 20; Vitamin B1: 100		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,18		
169	29	Trang Nông RQ	DAQUOC GIA	%	Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-0,5-4,5	CT CP Nông Trang	CT CP BVTV Đa Quốc Gia
				ppm	Cu: 200; Zn: 300; B: 1000; Mo: 30		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,15		

G. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 04, DMPB được phép SXKD&SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI. PHÂN BÓN LÁ (Trang 72)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
70	30	GSX-08	Cá Chép Vàng 2	%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-10-10; Độ ẩm: 10	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT TNHH Hải Quốc Cường
				ppm	Mn: 100; Cu: 200; Zn: 150; B: 200		

VI. PHÂN BÓN LÁ (Trang 76)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
90	31	NVD 14	GSA 8 (Sure Grow)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-8	CT TNHH Nông Việt Đức	CT TNHH TM Gold Star
				ppm	Mg: 1000; Fe: 100; Zn: 200; Cu: 100; B: 300; GA ₃ : 500; α-NAA: 1000		
					pH: 5-7; Tỷ trọng : 1,1-1,2		
96	32	NVD 18	HC 101 (Dưỡng cây 101)	%	N-K ₂ O: 4-8; Mg: 0,25	CT TNHH Nông Việt Đức	CT TNHH MTV LUCKY
				ppm	B: 250; GA ₃ : 200; Zn: 1800; Fe: 300; Cu: 800; Nitrophenol: 0,01		
					pH: 5-7; Tỷ trọng : 1,1-1,2		

H. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 01 DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VII. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
50	33	TN 02	Canh Nông	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2,4; Độ ẩm: 20	CT CP Trang Nông	Ông Vũ Xuân Hóa

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới

47	34	Chelastar (Chelmicro Combi SP)	%	MgO: 9; Độ ẩm: 10	CT TNHH Dòng Sông Mới (Newriver Co.,Ltd - Vietnam) (NK từ Bỉ)	CT TNHH Dòng Sông Mới (Newriver Co.,Ltd - Vietnam) (NK từ Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia và các nước châu Âu)
			ppm	Fe: 45000; Mn: 45000; Zn: 12500; Cu: 10000; B: 5000; Mo: 100; Co: 50		
48	35	Davyblue (Newriver-30)	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 28-14-14; MgO: 1; Độ ẩm: 10		
			ppm	Fe: 320; Mn: 160; Zn: 80; Cu: 30; B: 100; Mo: 10		
49	36	Davyblue (DSM)	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 13-3-26; MgO: 5; Độ ẩm: 10		
			ppm	Fe: 320; Mn: 160; Zn: 80; Cu: 30; B: 100; Mo: 10		
50	37	Davyblue (Califlower)	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 8-52-17; Độ ẩm: 10		
			ppm	Fe: 320; Mn: 160; Zn: 80; Cu: 30; B: 100; Mo: 10		
51	38	Davyblue (Newriver-Max)	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 27-7-14; MgO: 3,5; Độ ẩm: 10		
			ppm	Fe: 320; Mn: 160; Zn: 80; Cu: 30; B: 100; Mo: 10		
52	39	Davyblue (Topstar)-L Ago	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 9-3,6-7		
			ppm	Fe: 16; Mn: 36; Cu: 9; B: 36; Mo: 3,6		
				pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,15-1,2		
55	40	Davyblue (River-K) 12-0-43+2MgO+TE	%	N-K ₂ O: 12-43; MgO: 2; Độ ẩm: 10		
			ppm	Fe: 320; Mn: 160; Zn: 80; Cu: 30; B: 100; Mo: 10		
56	41	Davyblue(River-P) 6-28-12+2MgO+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-28-12; MgO: 2; Độ ẩm: 10		
			ppm	Fe: 320; Mn: 160; Zn: 80; Cu: 30; B: 100; Mo: 10		
57	42	Davyblue(Newriver) 16-7-30+2MgO+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 16-7-30; MgO: 2; Độ ẩm: 10		
			ppm	Fe: 320; Mn: 160; Zn: 80; Cu: 30; B: 100; Mo: 10		
58	43	Davyblue-L-Micromix (Alexmax)	%	MgO: 3,4; S: 5,4		
			ppm	Fe:11000; Mn:15000; Zn:11000; Cu:5000; B:3000; Mo:100		
				pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,1-1,3		

59	44	Sicalnit-L Plus (Topstar Canxi plus)		%	N: 10; MgO: 2; CaO: 15	CT TNHH Đồng Sông Mới (Newriver Co.,Ltd - Vietnam) (NK từ Bỉ)	CT TNHH Đồng Sông Mới (Newriver Co.,Ltd - Vietnam) (NK từ Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia và các nước châu Âu)
				mg/l	B: 500; Cu: 400; Fe: 500; Mn: 1000; Mo: 10; Zn: 200		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,18-1,2		
60	45	Micro-Attack (Borgrow)		%	Độ ẩm: 10		
				ppm	B: 150000; Zn: 26000; Mn: 40000		
61	46	Davyblue (Newriver-30) 30-10-10+TE		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-10-10; Độ ẩm: 10		
				ppm	Fe: 320; Mn: 160; Zn: 80; Cu: 30; B: 100; Mo: 10		
62	47	Davyblue-K Extra (Alexmax Sugar Fast) 0-0-21+14S+TE		%	K ₂ O: 21; S: 14		
				ppm	Fe: 500; Mn: 500; Zn: 500; Cu: 250		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,18-1,2		
142	48	HP 06	Hùng Ngọc	%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 4-4-2	CT TNHH ĐT PT Hoà Phú	CT CPTM Hùng Ngọc
				mg/l	Mn: 400; Zn: 50; Cu: 50; B: 500		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,14-1,18		
195	49	HTC 01	Siêu Đại Lợi	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 7-6-3,5	CT CP KT & DV TM PT HTC COM	CT CP BVTV Đa Quốc Gia
				mg/l	Mn: 500; Zn: 600; Cu: 350; B: 200		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,10-1,16		
310	50	TN 03	Tân Đại Lợi	%	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 2,5-2-2	CT CP Trang Nông	CT CP BVTV Đa Quốc Gia
				mg/l	Mn: 400; Zn: 250; Fe: 300; Cu: 50		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,13-1,17		
311	51	TN 04	BTN	%	Axit Humic: 7,5; N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 15-15-15; Ca: 0,05 Độ ẩm: 10		CT TNHH QT Hà Thành
				mg/kg	Mn: 300; Zn: 200; Fe: 200; Cu: 50; B: 200		

I. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02, DMPB được phép SXKD&SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi, điều chỉnh về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN VI SINH VẬT (trang 20)

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
----	--------------	--------	--	--------------------------

Cũ	Mới	Cũ	Mới	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Cũ	Mới
102	52	Niphos	Đại Lợi	Cfu/g	Pseudomonas spp; Azospirillum lipoferum: 1×10^9 mỗi loại	Chi nhánh VUDCN tại Tp. HCM	CT TNHH TM SX Dây Dẹp Đại Lợi
					pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,1		

K. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 01, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/6/2011 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
14	53	A-K-105	Valva 8-6-5	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-6-5; Mg: 0,02	CT TNHH SX & TM Bắc Á	CT TNHH Valva
				ppm	Mn: 6; Cu: 1500; B: 200		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,1		

L. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/6/2011 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VIII. PHÂN BÓN LÁ (trang 10)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
50	54	LAKMIN-HUMATE 2 (Chuyên lúa)	KINA K-HUMATE (Chuyên lúa)	%	Axit Humic: 58; Axit Fulvic: 14; K ₂ O: 7; Mg: 0,01 Độ ẩm: 10	CT TNHH Kiên Nam	
				ppm	Mn: 100; Zn: 100; Fe: 100; Cu: 100		

M. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 01 DMPB được phép SXKD&SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 59 /2010/TT-BNNPTNT ngày 30/8/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới

38	55	Cal-Bor-Amin (Biorolex)-L	%	N: 8; CaO: 11,2; Axit Amin: 8 [Lysine, Alanine, Argenine, Aspatic, Cystine, Glycine, Glutamic Axit, Histindine, Oleucine]	CT TNHH Đồng Sông Mới (Newriver Co.,Ltd - Vietnam) (NK từ Mỹ)	CT TNHH Đồng Sông Mới (Newriver Co.,Ltd - Vietnam) (NK từ Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia và các nước châu Âu)
			ppm	Fe: 2,5; Mn: 25; Zn: 25; Cu: 25; B: 150		
				pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,15-1,2		
39	56	SICO-Perplex (Biorolex-Top)	%	HC: 5; N: 2; MgO: 0,3; S: 2,5; Axit Amin: 0,25 [Lysine, Alanine, Argenine, Aspatic, Cystine, Glycine, Glutamic Axit, Histindine, Oleucine]		
			ppm	Fe: 0,2; Mn: 100; Zn: 500; Cu: 50; B: 150; Mo: 50		
				pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,15-1,2		

N. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02 DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 59 /2010/TT-BNNPTNT ngày 30/8/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI. PHÂN BÓN LÁ (trang 2)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
3	57	ProExcel 10-52-17+TE		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-52-10; Độ ẩm: 5-10	CT TNHH TM&DV Thái Sơn [NK từ Đức]	
				ppm	MgO:400;Fe:180;Mn:200;Cu:190;Zn:200;B:200;Mo:2		

VI. PHÂN BÓN LÁ (trang 3)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
10	58	Tuấn Minh 10-20-10	TĐK_DIMAN	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-20-10; Mg: 1,5; NAA: 0,3; Độ ẩm: 7	CT TNHH TMDV Hoá Nông Tuấn Minh	CT TNHH SX- TM-DV Tô Đăng Khoa
				ppm	Cu: 200; Zn: 200; B:50		

VI. PHÂN BÓN LÁ (trang 4)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
16	59	Tuấn Minh- chống đổ ngã	TĐK_CARBO	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-2; NAA: 0,4; SiO ₂ : 1,5	CT TNHH TMDV Hoá Nông	CT TNHH SX- TM-DV Tô Đăng Khoa
				ppm	Monoglutamatnatri: 30; Mg: 300; Zn: 200; Cu: 200; B: 50		

				pH: 7,2; Tỷ trọng: 1,05	Tuần Minh	Đang Khoa
--	--	--	--	-------------------------	-----------	-----------

VI. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC (trang 10)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
46	60	Phượng Hoàng		%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-2; Độ ẩm: 25	CT CP DV TM VT Tổng hợp	CT CP DV TM VT Tổng hợp Hà - Lan
47	61	AT		%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,8-1,5-2; Độ ẩm: 20	CT TNHH PT Công nghệ sạch Nông nghiệp	CT TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp

VIII. PHÂN BÓN LÁ (trang 12)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
59	62	AT		%	Axit Humic: 1,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-5-2; Ca: 0,02	CT TNHH PT Công nghệ sạch Nông nghiệp	CT TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp
				mg/l	Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500; B: 200		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,15-1,16		